

Bài 2:

- HS **quan sát** hình ảnh, nhóm đôi hỏi và trả lời.
- Một vài nhóm trình bày và **giải thích** (dựa vào số ô vuông).
- a) Hình A gồm 16 ô vuông (nên tính theo hàng và cột).
Hình B gồm 8 ô vuông (đếm).
Hình C gồm 8 ô vuông (đếm).
- b) Diện tích hình B bé hơn diện tích hình A (8 ô vuông và 16 ô vuông).
...
- c) Diện tích hình A bằng tổng diện tích hai hình B và C.

CỦNG CỐ

Có thể dùng một trò chơi chuyển tải nội dung.

- Mỗi HS **đặt** một hình phẳng trong bộ đồ dùng học tập trên mặt bàn.
- Theo hiệu lệnh của GV, HS **thao tác** với hình trước mặt.
 - GV: “Chu vi”, HS dùng đầu ngón tay **tô** một vòng theo các cạnh của hình.
 - GV: “Diện tích”, HS **xoa** lên hình.



XĂNG-TI-MÉT VUÔNG (2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết biểu tượng 1 cm^2 (diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 cm).
- Nhận biết độ lớn của 1 cm^2 , kí hiệu.
- Đọc, viết các số đo theo đơn vị xăng-ti-mét vuông.
- Bước đầu phân biệt chu vi và diện tích của hình, thực hiện phép tính với số đo diện tích.

2. Năng lực chủ trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt.

Phẩm chất: trách nhiệm, chăm chỉ.

B. Thiết bị dạy học

HS: Giấy kẻ ô vuông cạnh 1 cm (mỗi ô vuông có cạnh dài 1 cm).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

- Để đo chu vi của một hình, ta có thể dùng các đơn vị nào? (HS nêu một số đơn vị.)
Đó là các đơn vị đo độ dài.
- Để đo diện tích của một hình, ta dùng đơn vị nào?

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu xăng-ti-mét vuông

- Xăng-ti-mét vuông là một đơn vị đo diện tích.
1 xăng-ti-mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 cm.
Xăng-ti-mét vuông viết tắt là cm^2 .
(GV vừa nói vừa viết lên bảng.)
- Nhận biết độ lớn của 1 cm^2 .
 - HS tô màu một ô vuông trên giấy kẻ ô vuông cạnh 1 cm.
 - Nhận biết diện tích một móng tay (ngón cái hoặc ngón trỏ) khoảng 1 cm^2 .

2. Thực hành

Bài 1:

- GV hướng dẫn viết kí hiệu cm^2 , 5 cm^2 (HS làm theo).
- GV đọc, HS viết rồi đọc: 17 cm^2 , 184 cm^2 , 695 cm^2 .

Bài 2:

- Tìm hiểu mẫu.
 - Hình được vẽ trên giấy kẻ ô vuông, mỗi ô vuông có cạnh dài 1 cm, diện tích mỗi ô vuông là 1 cm^2 .
 - Muốn biết hình vẽ có diện tích bao nhiêu xăng-ti-mét vuông ta làm thế nào? (Đếm số ô vuông.)
 - HS đếm số ô vuông (10 ô vuông).
 - Viết: 10 cm^2 .
 - Đọc: Mười xăng-ti-mét vuông.
- Thực hành tương tự mẫu.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- HS nhóm đôi nhận biết yêu cầu và thực hiện (tương tự Thực hành 2).
- Sửa bài, HS giải thích hình N:
Có 6 ô vuông nguyên vẹn và 4 nửa ô vuông tạo thành 2 ô vuông.
Có tất cả 8 ô vuông.

Bài 2:

- HS nhóm đôi tìm hiểu bài, xác định các nội dung cần thực hiện.
- Thảo luận, xác định trình tự và cách thực hiện.
Quan sát hình ảnh, nhận biết các hình được vẽ trên giấy kẻ ô vuông cạnh 1 cm.
a) Đếm số ô vuông để tìm diện tích.
Đếm các đoạn thẳng dài 1 cm viền xung quanh hình để tìm chu vi.

- Hình D: 6 cm^2 ; 12 cm .
- Hình Q: 6 cm^2 ; 10 cm .
- Hình T: 4 cm^2 ; 10 cm .

b) Dựa vào câu a) **xác định** hình.

- Hình D và hình Q có diện tích bằng nhau nhưng chu vi khác nhau.
- Hình Q và hình T có chu vi bằng nhau nhưng diện tích khác nhau.

Bài 3:

– HS **thực hiện** cá nhân trên bảng con:

$$20 \text{ cm}^2 : 2 = 10 \text{ cm}^2.$$

CÙNG CỐ

Dùng thao tác tay thể hiện điều cần lưu ý khi nói đến chu vi, diện tích của một tờ giấy (tương tự phần Cùng cố của bài trước).

DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT (2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Hình thành quy tắc tìm diện tích hình chữ nhật.
- Vận dụng quy tắc:
 - Tính diện tích hình chữ nhật khi biết chiều dài và chiều rộng.
 - Tính chiều dài (hoặc chiều rộng) khi biết diện tích và chiều rộng (hoặc chiều dài).
- Phân biệt cách tính chu vi và diện tích của hình chữ nhật.
- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đo lường chu vi và diện tích hình chữ nhật.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; mô hình hoá toán học; giải quyết vấn đề toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

Phẩm chất: nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ.

B. Thiết bị dạy học

HS: 10 mảnh giấy hình vuông cạnh 1 cm; 2 tờ giấy kẻ ô vuông cạnh 1 cm; bút chì màu nhạt.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

- Yêu cầu: Tính diện tích hình chữ nhật có chiều dài 5 cm, chiều rộng 3 cm.
- HS nhóm bốn **thảo luận**, tìm cách thức giải quyết vấn đề rồi **trình bày**.